

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 TTHC.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 TTHC.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong Quý I năm 2024, tỉnh Đăk Nông không có văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không có.
- Tổng số Quyết định UBND tỉnh Đăk Nông công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 25 Quyết định.
- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 235 TTHC; trong đó, số TTHC được công khai, đồng bộ: 235 TTHC. Trong đó, số TTHC công bố mới 16 TTHC, số TTHC sửa đổi, bổ sung 122 TTHC, số TTHC thay thế 02, số TTHC bãi bỏ 95 TTHC,

(Có Biểu số II.03b.VPCP.KSTT - Phụ lục I đính kèm)

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành tính đến thời điểm báo cáo: 1.710 TTHC (Công bố theo Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1.710; trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định: 1.710; trong đó: Dịch vụ công trực tuyến một phần là 906, dịch vụ công trực tuyến toàn trình 804; số TTHC do địa phương quy định: Không có.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 26/01/2024 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2024. Trong Quý I năm 2024 là 0 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong Quý I năm 2024 là 06; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 05; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 01 phản ánh, kiến nghị.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 05; trong đó số đã được đăng tải công khai: 05; (trong đó Hành vi hành chính: 01; Quy định hành chính: 04).

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 01.

(Có Biểu số II.05a/VPCP/KSTT - Phụ lục I đính kèm)

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong Quý I năm 2024 là 78.970, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 68.645 hồ sơ (trực tuyến: 18.605; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 50.040); số từ kỳ trước chuyển qua: 10.325 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 70.453 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 20.499 hồ sơ, đúng hạn: 48.040 hồ sơ, quá hạn: 1.550 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 1,96%).

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 8.517 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 5.976 hồ sơ, quá hạn: 2.541 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 3.2%).

* Nguyên nhân hồ sơ quá hạn: Đa phần hồ sơ giấy đã giải quyết đúng hạn nhưng do cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn tác nghiệp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh còn chậm, cập nhật kết quả chưa kịp thời, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt, trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém... Đối với các hồ sơ quá hạn, các cơ quan, đơn vị đều có văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân vì sự sai sót, chậm trễ trong giải quyết TTHC theo quy định.

(Có Biểu số II.06a/VPCP/KSTT - Phụ lục II đính kèm)

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các nội dung Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Hồ sơ TTHC các đơn vị cấp tỉnh đều thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; để thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bảo đảm thời gian, chất lượng và đúng quy định. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã được đặt tại trụ sở làm việc của

UBND cùng cấp. 100% TTHC trên địa bàn tỉnh được triển khai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đã thực hiện việc công khai hồ sơ, thủ tục, quy trình giải quyết, thời hạn trả kết quả, phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ; nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi tiếp cận, tìm hiểu để thực hiện TTHC; đồng thời còn kiểm tra, giám sát được quá trình giải quyết hồ sơ TTHC của cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông ban hành Kế hoạch số 1853/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2024 qua đó, chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai tuyên truyền về dịch vụ công, số hóa trong công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh bao đảm theo quy định. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc phạm vi chức năng, quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (giải đoạn 2022-2025); tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Việc triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử bảo đảm sự bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch, an toàn thông tin và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết TTHC, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; tiết kiệm thời gian, chi phí công sức của tổ chức, cá nhân góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách TTHC của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông ban hành Kế hoạch số 781/KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông ban hành Kế hoạch số 707/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Trong đó, xác định mục tiêu từ năm 2021 đến năm 2025, 100% hồ sơ TTHC và kết quả giải quyết TTHC được số hóa và kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Trên cơ sở Kế hoạch số 1853/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2024, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC; tầm quan trọng, ý nghĩa các nội dung cơ bản của công tác kiểm soát TTHC theo quy

định của Chính phủ; tuyên truyền những kết quả đạt được của công tác cải cách TTHC; lợi ích của việc kiểm soát TTHC; biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt, có thái độ tích cực trong công tác kiểm soát TTHC, phê phán những hiện tượng tiêu cực, thái độ cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, công dân trong quá trình giải quyết TTHC. Chủ yếu tuyên truyền qua các kênh như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đăk Nông, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, cập nhật và tìm hiểu thông tin; kết hợp với các hình thức tuyên truyền khác như pa nô, áp phích phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

- Nhằm triển khai thực hiện việc đơn giản hóa TTHC ngày càng có hiệu quả, góp phần giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát các TTHC đủ điều kiện nâng lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai các TTHC thực hiện “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” trên địa bàn toàn tỉnh.

- Rà soát, đề nghị bãi bỏ những TTHC không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp; sửa đổi, bổ sung các TTHC; đơn giản hóa về thành phần hồ sơ; giảm thời gian giải quyết TTHC; cải tiến về quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC, thực hiện liên thông; phân cấp việc giải quyết TTHC; áp dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử hoặc các biện pháp thay thế, nhằm giải quyết công việc nhanh chóng, tạo thuận lợi, cắt giảm tối đa chi phí, nhưng vẫn bảo đảm được mục tiêu quản lý của nhà nước trong việc giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, trong Quý I năm 2024, công tác kiểm soát TTHC luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và thường xuyên; huy động mọi tầng lớp Nhân dân tham gia vào công cuộc cải cách TTHC, kết quả hoạt động công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện khá tốt. Công tác niêm yết, công khai TTHC; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, công dân đáp ứng được yêu cầu; việc giải quyết TTHC cơ bản đáp ứng được thời gian theo quy định; trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ được quán triệt thường xuyên; mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong tiếp nhận và giải quyết TTHC được duy trì và ngày càng nâng cao.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ thực hiện Dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và giải quyết vẫn còn thấp, hiệu quả chưa cao. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT)

trong các cơ quan nhà nước tại địa phương, đặc biệt là cấp xã đã xuống cấp, máy tính cấu hình còn thấp, chưa thực sự bảo đảm trong quá trình triển khai thực hiện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, nhất là công chức chuyên trách CNTT vừa thiếu và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến việc triển khai ứng dụng CNTT tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự hiệu quả.

- Tổ chức, công dân vẫn có thói quen nộp hồ sơ giấy tại Bộ phận Một cửa các cấp nên việc phát sinh hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh còn thấp; công tác tuyên truyền và khuyến khích tổ chức, công dân về Dịch vụ công trực tuyến thực hiện chưa kịp thời và thường xuyên.

- Dịch vụ bưu chính công ích tổ chức tuyên truyền chưa sâu rộng, dẫn đến tổ chức, công dân chưa biết được lợi ích của việc thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; nguyên nhân là do các cơ quan bưu chính công ích thực hiện dịch vụ nhưng chủ yếu bố trí nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại các điểm bưu chính, dẫn đến hồ sơ tiếp nhận còn rất ít.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

- Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 bảo đảm thời gian, tiến độ; công bố Danh mục TTHC được kịp thời, ngay sau khi được các Bộ, ngành công bố và xây dựng Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm theo quy định; tổ chức công khai, đồng bộ TTHC trên Cơ sở dữ liệu Cổng Dịch vụ công quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; tổ chức rà soát, đơn giản hóa TTHC và kiến nghị các Bộ, ngành có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các TTHC vướng mắc, bất cập.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tiếp nhận và giải quyết TTHC; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng để hồ sơ quá hạn và việc chấp hành xin lỗi trong giải quyết TTHC; chấm dứt tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết TTHC mà không đúng quy định của pháp luật; khắc phục tình trạng tổ chức, công dân thiếu thông tin khi tiếp cận dịch vụ công, không được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt triển khai xây dựng các video hướng dẫn quy trình thực hiện các TTHC Dịch vụ công trực tuyến phát sinh nhiều hồ sơ; tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp biết để thực hiện thanh toán phí, lệ phí TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục hoàn thiện, tích hợp 100% dịch vụ công toàn trình của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bảo đảm theo quy định.

- Tập trung triển khai tốt các TTHC thực hiện “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” trên địa bàn toàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Kính đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC(S).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến

Lê Văn Chiến

PHỤ LỤC I
CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC TỈNH ĐẮK NÔNG QUÝ I NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số **185** /BC-UBND ngày **26** /3/2024 của UBND tỉnh Đăk Nông)

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG NĂM	MỚI	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THAY THẾ	BÃI BỎ	TỔNG SỐ	TTHC NỘI bỘ
1	Sở Lao động - TB và XH	61/QĐ-UBND	16/01/2024	0	3	0	0	3	
		66/QĐ-UBND	17/01/2024	0	3	0	0	3	
		114/QĐ-UBND	01/02/2024		2			2	
		208/QĐ-UBND	29/02/2024		3			3	
		4		0	11	0	0	11	0
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	67/QĐ-UBND	16/01/2024	5	0	0	9	14	
		1854/QĐ-UBND	30/12/2023	2	0	0	0	2	
		124/QĐ-UBND	02/02/2024		5			5	
		62/QĐ-UBND	16/01/2024	0	5	0	9	14	
		4		7	10	0	18	35	0
3	Sở Tư pháp	243/QĐ-UBND	11/3/2024		8				
		1		0	8	0	0	0	0



STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG NĂM	MỚI	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THAY THẾ	BÃI BỎ	TỔNG SỐ	TTHC Nội bộ
4	Sở Văn hóa - Thể thao và DL	12/QĐ-UBND	04/01/2024	0	10	0	0	10	
		45/QĐ-UBND	11/01/2024	5	0	0	18	23	
		79/QĐ-UBND	23/01/2024	0	6	0	5	11	
		104/QĐ-UBND	30/01/2024		8			8	
			4	5	24	0	23	52	0
5	Sở Y tế	103/QĐ-UBND	30/01/2024		22		42	64	
		93/QĐ-UBND	26/01/2024		5			5	
		113/QĐ-UBND	01/02/2024		1			1	
		90/QĐ-UBND	25/01/2024		5			5	
		204/QĐ-UBND	29/02/2024				2	2	
		209/QĐ-UBND	29/02/2024				10	10	
			6	0	33	0	54	87	0
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	125/QĐ-UBND	02/02/2024		17			17	
			1	0	17	0	0	17	0
7	Sở Công Thương	89/QĐ-UBND	25/01/2024		1			1	
			1	0	1	0	0	1	0

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG NĂM	MỚI	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THAY THẾ	BÃI BỎ	TỔNG SỐ	TTHC Nội bộ
8	Sở Giao thông vận tải	169/QĐ-UBND	21/02/2024	2	1			3	
		207/QĐ-UBND	29/02/2024			1		1	
		2		2	1	1	0	4	0
9	Sở Nội vụ	210/QĐ-UBND	29/02/2024		17	1		18	
		1		0	17	1	0	18	0
10	Ban Dân tộc	53/QĐ-UBND	15/01/2024	2	0	0	0	2	
		1		2	0	0	0	2	0
TỔNG CỘNG		25		16	122	2	95	235	0

PHỤ LỤC II
**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 185 BC-UBND ngày 26/3/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận						Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai	
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Đang xử lý				
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ		Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ		Hành vi hành chính	Quy định hành chính			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Tổng cộng	6	1	5	0	6	2	1	4	0	5	1	1	0	5		
I	Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Tỉnh	3	0	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0	
	Đất đai	3	0	3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
II	Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Huyện	2	0	2	0	2	1	0	1	0	1	1	1	0	1		
1	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0		
2	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	1	0	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	1		
III	Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Xã	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1		
1	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1		

PHỤ LỤC III
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số **185** /BC-UBND ngày **26** 3/2024 của UBND tỉnh Đăk Nông)

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	78.970	18.605	50.040	10.325	70.453	20.499	48.404	1.550	8.517	5.976	2.541
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Tỉnh	20.053	11.957	7.067	1.029	18.904	7.055	11.817	32	1.149	1.045	104
1	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	74	52	22	0	69	3	66	0	5	5	0
2	An toàn điện, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	2	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0
3	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	8	8	0	0	8	7	1	0	0	0	0
4	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	15	0	15	0	14	0	14	0	1	1	0
5	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	12	0	12	0	12	0	12	0	0	0	0
6	Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	73	6	50	17	69	0	69	0	4	4	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
7	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0
8	Công chứng (Bộ Tư pháp)	15	0	15	0	15	13	2	0	0	0	0
9	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0
10	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	11	0	11	0	11	0	11	0	0	0	0
11	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	105	0	68	37	61	0	52	9	44	20	24
12	Đầu tư (Bộ Tài chính)	112	0	112	0	112	0	112	0	0	0	0
13	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	11	0	7	4	7	0	6	1	4	4	0
14	Địa chất và khoáng sản (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	19	0	3	16	5	0	5	0	14	2	12
15	Điện (Bộ Công Thương)	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
16	Dược phẩm (Bộ Y tế)	103	0	103	0	74	0	74	0	29	29	0
17	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	5.906	608	4.992	306	5.621	5.621	0	0	285	285	0
18	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	17	7	0	10	10	6	3	1	7	7	0
19	Giám định y khoa (Bộ Y tế)	7	0	4	3	4	0	4	0	3	3	0
20	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0



STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
21	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao (Bộ Xây dựng)	5	5	0	0	4	4	0	0	1	1	0
22	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	1	4	0	4	4	0	0	1	1	0
23	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	14	4	6	4	12	0	12	0	2	2	0
24	Lữ hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
25	Luật sư (Bộ Tư pháp)	6	0	6	0	6	5	1	0	0	0	0
26	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	39	33	0	6	33	32	1	0	6	6	0
27	Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp)	1.114	196	806	112	945	880	47	18	169	155	14
28	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	54	0	25	29	24	0	24	0	30	8	22
29	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	8	7	0	1	7	7	0	0	1	1	0
30	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	171	22	147	2	168	168	0	0	3	3	0
31	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	15	11	4	0	14	0	14	0	1	1	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
32	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	5	0	5	0	5	4	1	0	0	0	0
33	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	119	22	23	74	74	68	3	3	45	45	0
34	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	72	72	0	0	69	69	0	0	3	3	0
35	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	38	0	8	30	7	0	7	0	31	1	30
36	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	276	276	0	0	276	0	276	0	0	0	0
37	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	198	22	90	86	4	0	4	0	194	194	0
38	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	1.777	1.702	67	8	1.773	0	1.773	0	4	2	2
39	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	18	0	0	18	15	0	15	0	3	3	0
40	Tiền lương (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	4	4	0	0	3	3	0	0	1	1	0
41	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	8	0	8	0	8	8	0	0	0	0	0
42	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	12	0	11	1	3	0	3	0	9	9	0
43	Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ)	2	0	1	1	1	0	1	0	1	1	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ buru chính								
44	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	10	0	6	4	7	0	7	0	3	3	0
45	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	58	0	58	0	58	58	0	0	0	0	0
46	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	4	0	3	1	4	0	4	0	0	0	0
47	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	0
48	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	2	1	1	0	2	2	0	0	0	0	0
49	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	508	82	240	186	337	9	328	0	171	171	0
50	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	48	0	48	0	44	44	0	0	4	4	0
51	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	8.799	8.779	15	5	8.762	10	8.752	0	37	37	0
52	Y tế Dự phòng (Bộ Y tế)	2	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0
53	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0
54	Lĩnh vực khác (Bộ Thông tin và Truyền thông)	40	28	0	12	37	12	25	0	3	3	0
55	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận			Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Huyện	25.515	1.164	18.536	5.815	20.024	5.017	13.751	1.256	5.491	3.900	1.591
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	916	0	910	6	899	25	872	2	17	17	0
2	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	1.764	0	1.764	0	1.307	567	424	316	457	267	190
3	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0
4	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	384	137	245	2	366	132	230	4	18	10	8
5	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	595	0	583	12	592	103	487	2	3	2	1
6	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	1.711	0	1.696	15	1.708	194	1.498	16	3	3	0
7	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	18.058	233	12.193	5.632	13.218	3.504	8.857	857	4.840	3.474	1.366
8	Dầu khí (Bộ Công Thương)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
9	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0
10	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1
11	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	15	0	15	0	14	0	14	0	1	1	0
12	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	10	6	3	1	10	4	5	1	0	0	0
14	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	16	0	13	3	14	0	13	1	2	2	0
15	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	20	1	19	0	12	2	10	0	8	3	5
16	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	5	0	5	0	5	0	5	0	0	0	0
17	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0
18	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	338	3	286	49	284	48	206	30	54	52	2
19	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	257	0	257	0	245	0	241	4	12	11	1
20	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	6	0	6	0	5	0	5	0	1	1	0
21	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
22	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	800	495	288	17	793	213	575	5	7	7	0
23	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	357	218	83	56	353	137	216	0	4	4	0
24	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	36	0	36	0	36	0	36	0	0	0	0
25	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	17	0	2	15	17	1	2	14	0	0	0
26	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	129	0	123	6	68	15	53	0	61	44	17
27	Hộ tịch - Đăng ký, quản lý cư trú - Tài chính y tế (Bộ Tư pháp)	72	71	1	0	72	68	0	4	0	0	0
III	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Xã	33.402	5.484	24.437	3.481	31.525	8.427	22.836	262	1.877	1.031	846
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	6.103	2.089	3.961	53	6.067	1.058	4.976	33	36	34	2
2	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.942	400	2.145	397	2.703	112	2.553	38	239	143	96
3	Bảo hiểm xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	422	28	394	0	420	98	321	1	2	2	0
4	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	650	178	406	66	565	211	346	8	85	80	5

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính	Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
5	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	14.390	592	13.783	15	14.387	4.438	9.915	34	3	1	2
6	Công chứng (Bộ Tư pháp)	957	69	888	0	957	188	769	0	0	0	0
7	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	1.261	971	290	0	1.261	320	941	0	0	0	0
8	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ (Bộ Công an)	260	260	0	0	260	260	0	0	0	0	0
9	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	4.989	101	2.021	2.867	3.532	653	2.742	137	1.457	750	707
10	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	45	12	17	16	27	9	18	0	18	5	13
11	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	8	0	8	0	8	0	8	0	0	0	0
12	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	117	110	6	1	117	47	70	0	0	0	0
13	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	11	0	11	0	8	0	8	0	3	3	0
14	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	13	0	0	13	13	0	13	0	0	0	0
15	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	48	0	37	11	38	15	23	0	10	10	0
16	Hộ tịch - Đăng ký, quản lý cư trú - Tài chính y tế (Bộ Tư pháp)	1.140	646	452	42	1.118	1.018	89	11	22	1	21

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
17	Liên thông Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công (Văn phòng Chính phủ)	18	0	18	0	16	0	16	0	2	2	0
18	Liên thông Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ (Văn phòng Chính phủ)	28	28	0	0	28	0	28	0	0	0	0

